

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27-7-2022

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và
Gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Cường

2. Bà Phan Thị Mấy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa: Ông Lô Văn Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2022 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lương Thị H**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Bản Tài Chánh, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh **Lương Văn B**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Bản Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lương Văn C, sinh năm 1963

- Bà Ngân Thị S, sinh năm 1968

Đều có địa chỉ: Bản Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2022; Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn Lương Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lương Văn B đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục tập quán của địa

phương, đăng ký kết hôn vào ngày 23/10/2017 tại UBND xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Bản Chiềng Nưa, xã Mường Lý, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm, đến khoảng tháng 5 năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh Bình lại hay ghen bóng, ghen gió, lại không chịu tu chí làm ăn, sau đó chị đã về nhà bố mẹ để ở bản Tài Chánh, xã Mường Lý sinh sống. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh chị đã được gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được, anh chị đã sống ly thân và hiện tại chị không có thai nghén. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn Bình.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung, tên cháu là Lương Nhã T, sinh ngày 13/12/2017, hiện tại cháu đang ở với mẹ. Nguyên vọng của chị là muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lương Nhã T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu anh Bình cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là sổ vàng được 2 bên nội, ngoại cho khi cưới, đồ dùng trong nhà và 02 con bò. Ngày 12/5/2022 chị rút yêu cầu chi tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Về án phí: Chị thuộc diện hộ nghèo, nên đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí sơ thẩm cho chị.

Tại Bản lấy ghi lời khai đối với anh Lương Văn B và quá trình giải quyết vụ án, anh B trình bày:

Về Hôn nhân: Anh chị đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó cũng có lúc mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn không đến mức trầm trọng, lý do mâu thuẫn chính là do chị H đi làm công ty ở Hải Dương, chị đã không quan tâm đến gia đình, chồng con, nay chị H làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, anh thấy đang còn tình cảm với vợ, còn nếu vợ cương quyết ly hôn thì anh không bắt ép được.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung là cháu Lương Nhã T, hiện đang ở với mẹ, nếu phải ly hôn thì anh đồng ý để cho chị H nuôi con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Lúc cưới về thì vợ chồng có 06 chỉ vàng do hai bên nội ngoại cho, sổ vàng này đã bán để mua 02 con bò và làm nhà. Bò thì đã bán, còn nhà thì cô Hạnh muốn lấy gì thì lên lấy, anh không giữ. Việc chị H rút yêu cầu chia tài sản anh hoàn toàn nhất trí, không có yêu cầu phản tố.

Cháu Lương Nhã T chưa đủ 07 tuổi, nên chưa có bản ghi nguyện vọng trong hồ sơ vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, thì ông Lương Văn C và bà Ngân Thị S có tham gia trong vụ án, có bản ghi lời khai liên quan đến số tiền vàng là của hồi môn của chị H, anh B được 2 bên gia đình nội ngoại biểu, tặng, nay chị Hạnh không yêu cầu giải quyết về số tiền vàng này nữa, thì ông, bà đồng ý với việc chị Hạnh rút yêu cầu chia tài sản, không có yêu cầu độc lập gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn thường xuyên đi làm ăn xa, nhưng vẫn thường xuyên về nhà và biết được việc cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập nhưng cố tình không ký vào biên bản lấy lời khai, trốn tránh vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng, tại phiên tòa mở lại lần 2 anh đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Như vậy, Bị đơn đã thực hiện không tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của đương sự, xét thấy: Vợ chồng chị Hạnh, anh Bình chung sống và kết hôn theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và từ đó vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung: Các đương sự có 01 con chung là cháu Lương Nhã T, hiện cháu đang ở với mẹ, chị H cũng có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T cho đến khi cháu trưởng thành và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ nần chung: Chị H không yêu cầu, anh B và người có quyền lợi nghĩa vụ Liên quan cũng đồng ý. Nên HĐXX không xét. Ngoài ra, chị H là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện hộ nghèo của xã Mường Lý, huyện Mường Lát.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 28, điều 35, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 và Điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm d Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UNTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lương Thị H.

Về Hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị H được ly hôn với anh Lương Văn B.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Lương Nhã T cho chị Lương Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi), không ai được ngăn cấm, cản trở anh Lương Văn B thăm nom con chung. Anh Lương Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về anh phí: Miễn án phí sơ thẩm cho chị Lương Thị H theo quy định.

Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Lương Văn B đang có hộ khẩu thường trú: Bản Chiềng Nưa, xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, anh chưa chuyển khẩu hay tạm trú, tạm vắng ở nơi khác.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Lương Văn B không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ cho anh B theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh Lương Văn B đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải 02 lần nhưng anh đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa, chị Lương Thị H, anh Lương Văn B, ông Lương Văn C và bà Ngân Thị S đều có đơn xin xét xử vắng mặt;

Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Hôn nhân và Gia đình”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Lương Thị H là Nguyên đơn; anh Lương Văn B là bị đơn; ông Lương Văn C và bà Ngân Thị S là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS. Bị đơn đã được thông báo thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đã vắng mặt, khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần 1 đã vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại địa phương thì anh Lương Văn B có đi làm ăn xa và vẫn về nhà để thăm gia đình thường xuyên, chưa chuyển khẩu và chưa đăng ký tạm trú, tạm vắng đi nơi khác và anh đã biết

việc Tòa án thụ lý vụ án giải quyết nhưng anh cố tình trốn tránh, không hợp tác trong giải quyết vụ án của Tòa án. Anh đã có Bản tự khai và bản ghi lời khai trong hồ sơ vụ án, tại lần xét xử thứ 2 anh đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Bị đơn chấp hành chưa tốt quyền, nghĩa vụ quy định tại điều Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản xác định mâu thuẫn và quá trình giải quyết vụ án thì: Chị Lương Thị H và anh Lương Văn B kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 23/10/2017 tại UBND xã Mường Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nên hay xảy ra cãi vã và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, hiện tại mỗi người một nơi, không còn qua lại, không quan tâm gì đến nhau. Việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, chị Lương Thị H nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh Lương Văn B không đồng ý ly hôn, vì anh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với vợ, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H đi làm công ty, không chăm lo cho gia đình, nhưng anh B không chứng minh được điều này. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh B, chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Lương Thị H được ly hôn anh Lương Văn B.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Lương Thị H và anh Lương Văn B có 01 con chung, tên cháu là Lương Nhã T, sinh ngày 13/12/2017. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu đang ở với chị H, chị H không bị cấm hoặc hạn chế về quyền nuôi con, anh Lương Văn B cũng có ý kiến nếu vợ chồng ly hôn thì để chị H nuôi con chung. Vì vậy, nên chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị H, đó là giao cháu Lương Nhã T cho chị Lương Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Anh Lương Văn B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở và có quyền làm đơn đề nghị thay đổi nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật.

Chị Lương Thị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung, nên HĐXX không xét. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, chị Lương Thị H có quyền làm đơn yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi thấy cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị Lương Thị H đã yêu cầu chia tài sản là vàng khi vợ chồng cưới được gia đình nội, ngoại biếu tặng. Nhưng sau đó, chị rút yêu cầu này. Bị đơn, người có quyền

lợi nghĩa vụ liên quan cũng đồng ý việc rút yêu cầu chia tài sản của chị Hạnh, không ai có yêu cầu phản tố, không có yêu cầu độc lập. Vì vậy, HĐXX đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản của chị Lương Thị H. Chị Lương Thị H có quyền yêu cầu khởi kiện lại về việc chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Chị Lương Thị H là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là hộ nghèo, nên miễn án phí sơ thẩm cho chị Hạnh theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Hạnh và anh Bình có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định;

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 Điều 210, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148, Điều 278, Điều 282 và Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H.

1.1. Về Hôn nhân: Cho chị Lương Thị H ly hôn với anh Lương Văn B.

1.2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Lương Nhã T, sinh ngày 13/12/2017 cho chị Lương Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Lương Văn B có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở và không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, sau ly hôn, anh Lương Văn B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi khi có căn cứ của pháp luật. Chị Lương Thị H có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân của chị Lương Thị H. Chị Lương Thị H có quyền yêu cầu khởi kiện lại về việc chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Miễn án phí HNGĐ sơ thẩm cho chị Lương Thị H.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, Vắng mặt các đương sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 9 - VKS nhân dân T. Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Mường Lát;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Mường Lý, H. Mường Lát;
- Nguyên đơn Lương Thị H;
- Bị đơn Lương Văn B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng

